

**BÁO CÁO**

**sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU  
ngày 02/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác  
cải cách hành chính và nâng cao chất lượng các chỉ số cạnh tranh của Tỉnh**

-----

Sau hơn 03 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 02/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác cải cách hành chính và nâng cao chất lượng các chỉ số cạnh tranh của Tỉnh (*Chỉ thị số 40-CT/TU*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả triển khai, thực hiện như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN****1. Thuận lợi**

Thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang đã chỉ đạo cấp ủy đảng, chính quyền các cấp ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện, các nghị quyết của Tỉnh ủy, các chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh (*viết tắt là UBND tỉnh*) về công tác cải cách hành chính (*CCHC*) trên địa bàn Tỉnh; kịp thời cụ thể hóa và đưa vào cuộc sống các chủ trương, chính sách của Trung ương và của Tỉnh, từ đó Hậu Giang đã đạt được nhiều thành tích trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội: Công tác đào tạo về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ ngày càng đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới của Đảng; đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động không ngừng được nâng lên. Các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC đã được triển khai khá kịp thời, trong đó có cải cách thủ tục hành chính (*TTHC*), cải cách tổ chức bộ máy, cải cách tài chính công và một số nội dung quan trọng khác về hiện đại hóa hành chính, chính phủ điện tử.

Công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được các cấp ủy đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện, gắn với xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực, hướng đến xây dựng đô thị thông minh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất đạo đức, tâm huyết vì sự phát triển của Tỉnh, đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; xây dựng bộ máy chính quyền từ Tỉnh đến cơ sở tinh gọn, hoạt động minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

Tỉnh đã ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử và Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 về việc thành lập Tổ

Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử và Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số hiệu quả quản trị, hành chính công (PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh (PCI).

## **2. Khó khăn**

Một số cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác CCHC; chưa triển khai đồng bộ các giải pháp cụ thể để thực hiện; triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh còn chậm, chưa kịp thời.

Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, giải quyết TTHC một số hồ sơ không đúng hạn nên sự hài lòng của tổ chức, cá nhân chưa cao.

Ứng dụng công nghệ thông tin chưa kịp thời với chính quyền điện tử, chưa có nhiều cách làm hay sáng kiến mới trong CCHC từ đó ít nhiều ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong triển khai các dịch vụ công trực tuyến.

Công tác kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên; công tác tuyên truyền về CCHC chưa đi vào chiều sâu; trách nhiệm trong công tác thỉnh thị báo cáo, góp ý văn bản chưa nhiều, nên việc cập nhật số liệu đôi khi chưa đầy đủ, thời gian báo cáo chưa đảm bảo.

Năm 2017, thứ hạng các chỉ số CCHC của Tỉnh rất khiêm tốn: Chỉ số PAR INDEX xếp hạng 41/63, chỉ số PCI xếp hạng 50/63, chỉ số PAPI xếp hạng 36/63 tỉnh, thành.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **1. Công tác tổ chức triển khai thực hiện**

#### **1.1. Công tác tuyên truyền**

Tỉnh chỉ đạo các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 40-CT/TU, Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC của Trung ương, của tỉnh; Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP.

Tỉnh ban hành Kế hoạch số 3906/KH-UBND ngày 07/11/2018 về nâng cao chất lượng các chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI trong giai đoạn 2018 - 2021 và những năm tiếp theo; các cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế tại cơ quan,

đơn vị, địa phương; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật liên quan đến cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ công trong cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) để nâng cao nhận thức, chất lượng trong phục vụ nhân dân.

Hàng năm, Tỉnh ban hành kế hoạch về CCHC, kiểm soát TTHC, phổ biến giáo dục pháp luật, công nghệ thông tin, kế hoạch kiểm tra CCHC, công vụ,... Đặc biệt, ban hành các kế hoạch khắc phục những hạn chế trong thực hiện các chỉ số cạnh tranh của Tỉnh năm 2018, 2019 nhằm mục đích tuyên truyền các kết quả đạt được trong các chỉ số CCHC cần duy trì và tiếp tục phát huy, nhân rộng; đồng thời, chỉ ra các tiêu chí, tiêu chí thành phần của từng chỉ số còn hạn chế để phấn đấu thực hiện tốt công tác CCHC trên địa bàn Tỉnh.

Toàn Tỉnh đã tổ chức 15 lớp tập huấn kỹ năng hành chính, trong đó lồng ghép nội dung Chỉ thị số 40-CT/TU; tổ chức 17 hội thi về CCHC, dân vận chính quyền<sup>[1]</sup>; 03 buổi tọa đàm Pháp luật và Đời sống (ghi hình và phát sóng trên đài truyền hình), trong đó có chuyên đề về thủ tục, các chính sách cho doanh nghiệp, giới thiệu về thủ tục cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp, thủ tục đầu tư vào Tỉnh; in ấn và phát hành 15.000 quyển “Những nội dung cần biết về lý lịch tư pháp”.

Điểm nổi bật trong hoạt động tuyên truyền CCHC là Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND tỉnh) đã tổ chức tuyên truyền lồng ghép thông qua chuyên mục “Đại biểu dân cử với cử tri” phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang, phát sóng hơn 100 kỳ và chuyên trang “Đồng hành cùng cử tri” phối hợp với Báo Hậu Giang, phát sóng được 64 kỳ, nhằm tạo sự kết nối chặt chẽ giữa HĐND các cấp với cử tri.

Ban Dân vận Tỉnh ủy đã chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp hướng dẫn hệ thống dân vận trong Tỉnh tổ chức tuyên truyền Chỉ thị số 40-CT/TU đến đoàn viên, hội viên và nhân dân được 612 cuộc với trên 37.400 lượt cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tham dự bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng<sup>[2]</sup>. Đặc biệt, Ban Dân vận các cấp đã trực tiếp triển khai, tuyên truyền Chỉ thị số 40-CT/TU cho 30 lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho trên 2.600 lượt học viên tham dự.

### *1.2. Việc cụ thể hóa Chỉ thị số 40-CT/TU tại cơ quan, đơn vị, địa phương*

Nhằm quán triệt, thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về CCHC, Tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc họp chuyên đề về CCHC và các chỉ số; kiểm tra công tác CCHC, công vụ, dân vận chính quyền và quy chế dân

<sup>[1]</sup> Trong đó: Năm 2018, 08 hội thi được tổ chức tại 08 huyện, thị xã, thành phố; năm 2021, 08 hội thi được tổ chức tại 08 huyện, thị xã, thành phố và 01 hội thi được tổ chức tại Tỉnh có 10 đội tham dự.

<sup>[2]</sup> Lồng ghép các cuộc hội nghị, họp của Ban Chấp hành, họp chi hội, tổ hội, nhóm phụ nữ tiết kiệm, câu lạc bộ của các đoàn thể, thông qua tài liệu Hỏi - Đáp, tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thanh, qua các hình thức sinh hoạt chính trị, tuyên truyền bằng các phương tiện trực quan; các đội thông tin tuyên truyền lưu động, tuyên truyền thông qua trang tin điện tử, mạng xã hội Zalo,...

chủ; cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã triển khai kịp thời và đầy đủ các nội dung CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương; bám sát các mục tiêu và cơ bản xác định được các nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, có sản phẩm và thời gian hoàn thành.

Các ngành, các cấp cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp và hội nghị chuyên đề về công tác này, thông qua các hình thức như: Triển khai trong ngày pháp luật của cơ quan hàng tháng, qua các buổi họp giao ban, lấy ý kiến góp ý, đăng tải lên trang cổng thông tin điện tử của các đơn vị,... từ đó, nâng cao nhận thức của CBCCVC trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Tỉnh đã tạo Video clip hướng dẫn cá nhân, tổ chức tạo tài khoản dịch vụ công Hậu Giang, cách đăng nhập tài khoản trên Cổng dịch vụ công tỉnh và hướng dẫn cụ thể từng bước để nhập hồ sơ trực tuyến, thiết lập tài khoản zalo đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về quản trị và hành chính công cấp Tỉnh. Triển khai áp dụng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả để nâng cao chất lượng công tác CCHC và các chỉ số được triển khai có hiệu quả như: Mô hình tổng đài CCHC và zalo; mô hình 5 tại chỗ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

## ***2. Kết quả cụ thể trong cải cách hành chính***

### ***2.1. Công tác chỉ đạo điều hành***

Công tác CCHC luôn được cấp ủy và người đứng đầu cơ quan tập trung chỉ đạo quyết liệt, ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện<sup>131</sup>, góp phần làm tăng tính minh bạch, tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết hồ sơ, TTHC, tiết kiệm chi phí, giảm thời gian thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp đến liên hệ giải quyết công việc.

Tỉnh đã triển khai vận hành tổng đài CCHC và zalo (phản ánh về CCHC), phản ánh, kiến nghị liên quan chủ yếu đến việc giải quyết TTHC và tác phong giao tiếp của CCVC. Các phản ánh đều được Tổ vận hành phối hợp xử lý và phản hồi kịp thời, đúng quy định. Qua đó, tạo được sự đồng thuận, thống nhất của người phản ánh. Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; đang thực

---

<sup>131</sup> Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 25/01/2018 về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 25/01/2018 về kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2018; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 25/01/2018 về truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2018; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2020; Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại công tác CCHC tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 3906/KH-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh về nâng cao chất lượng các chỉ số PAR INDER, SIPAS, PAPI và PCI tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2021 và những năm tiếp theo; Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh Hậu Giang. Chỉ đạo thực hiện đạt 100% các chỉ tiêu đề ra trong Chương trình số 02/Ctr-UBND về CCHC, xây dựng chính quyền và phòng chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2016 - 2020.

hiện xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số; vận hành tốt Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang.

Năm 2020, kiện toàn tổ chức bộ máy Trung tâm Hành chính công thành Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, xây dựng 01 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Vị Thanh theo hướng hiện đại; triển khai ứng dụng đồng bộ phần mềm dịch vụ công tại 75/75 đơn vị cấp xã; 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; trên 90% TTHC giải quyết trước hạn, đúng hẹn. Hiện đã đưa tất cả 1.899 TTHC áp dụng quy trình điện tử tại Cổng Dịch vụ công của Tỉnh. Trong đó, đã có 246 TTHC thực hiện 5 tại chỗ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. 100% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ, trong năm đã cổ phần hóa 05 đơn vị sự nghiệp.

## *2.2. Cải cách thể chế*

Từ tháng 8/2018 đến nay, các sở, ngành tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 106 quyết định, các văn bản này không quy định TTHC mới, mà chỉ áp dụng theo văn bản Trung ương.

Thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2014 - 2018. Theo đó, qua hệ thống hóa có 342 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 52 văn bản hết hiệu lực một phần, 421 văn bản còn hiệu lực và 08 văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế. Các văn bản còn hiệu lực được tập hợp thành tập hệ thống văn bản và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh. Đồng thời, có văn bản đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố công bố, đăng tải, niêm yết kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 do HĐND, UBND cấp huyện ban hành.

Thực hiện chức năng kiểm tra văn bản, Tỉnh kiểm tra 157 quyết định. Qua kiểm tra, phát hiện 02 văn bản ban hành sai về căn cứ pháp lý và một số văn bản sai về thể thức và kỹ thuật trình bày; kiểm tra theo thẩm quyền 138 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND cấp huyện gửi đến, qua kiểm tra phát hiện 02 văn bản sai về nội dung, 04 văn bản sai thẩm quyền, một số văn bản sai về thể thức và kỹ thuật trình bày. Đã tổ chức khắc phục theo quy định.

## *2.3. Cải cách TTHC*

Toàn Tỉnh hiện có 1.899 TTHC được công bố, áp dụng và công khai trên Cổng dịch vụ công<sup>l41</sup>; tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn hàng năm đều đạt trên 90% (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Tỉnh đã ban hành xong các quy trình nội bộ giải quyết TTHC các ngành, địa phương để làm cơ sở xây dựng quy trình điện tử. Hiện đã đưa tất cả 1.889 TTHC áp dụng quy trình điện tử tại Cổng Dịch vụ công. Trong đó, đã có 246 TTHC thực hiện 5 tại chỗ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

Toàn Tỉnh đã thực hiện đạt 100% một cửa, một cửa liên thông; có 13 quy chế phối hợp giải quyết liên thông với trên 307 TTHC. Đặc biệt, Tỉnh đã triển khai Kế hoạch phối hợp số 1348/KHPH-UBNDTHG-TCTBĐVN ngày 03/6/2019 giữa UBND tỉnh Hậu Giang và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam. Kết quả đến nay, Tỉnh đã chỉ đạo tổ chức chuyên giao việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức tại bưu điện đối với 13/13 đơn vị cấp xã, 3/4 đơn vị cấp huyện (thị xã Long Mỹ, huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A).

#### 2.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Từng bước triển khai có hiệu quả đề án kiện toàn tổng thể bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh; xây dựng đề án xác định vị trí việc làm, đề án tinh giản biên chế trong tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

##### - Đối với Tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (*Nghị quyết số 18-NQ/TW*), UBND tỉnh phê duyệt 19/19 đề án sắp xếp bên trong các sở, ban, ngành tỉnh. Qua kết quả rà soát theo phương án sắp xếp của 19 sở, ban, ngành tỉnh từ 130 phòng chuyên môn còn 87 phòng chuyên môn (giảm 43 phòng), giảm 43 lãnh đạo cấp phòng; sắp xếp 16 chi cục trực thuộc sở còn 13 chi cục (giảm 03 chi cục), giảm 53 phòng, giảm 44 lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục và tương đương.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (*Nghị quyết số 19-NQ/TW*), các sở, ban, ngành đã xây dựng 41 đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, với kết quả như sau: Số đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt là 40/41 đề án (riêng đề án đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự các phòng khám đa khoa khu

<sup>l41</sup> Trong đó, Tỉnh 1.474 thủ tục, cấp huyện 284 thủ tục, cấp xã 141 thủ tục.

vực không trình phê duyệt, thực hiện sắp xếp theo phân cấp quản lý của ngành y tế). Qua công tác rà soát việc thực hiện sắp xếp, sáp nhập, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Tỉnh đến năm 2021 sẽ giảm 68 đơn vị sự nghiệp (theo kế hoạch đề ra là 52 đơn vị, đạt 126,9% kế hoạch).

*- Đối với cấp huyện*

Nghị quyết số 18-NQ/TW: Thực hiện giải thể phòng y tế và phòng dân tộc giao chức năng về Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, các địa phương đang hoàn chỉnh dự thảo đề án, trình hội đồng thẩm định cho ý kiến.

Nghị quyết số 19-NQ/TW: Đối với đề án tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện, thực hiện sáp nhập đài truyền thanh, nhà thiếu nhi (nơi có nhà thiếu nhi) vào Trung tâm Văn hóa cấp huyện thành Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh. UBND huyện, thị xã, thành phố đang hoàn chỉnh dự thảo đề án.

Thực hiện tốt công tác quản lý chính sách tiền lương thông qua việc triển khai các văn bản hướng dẫn có liên quan, giải quyết chính sách tiền lương luôn đảm bảo đúng quy định và kịp thời từ Tỉnh đến cơ sở. Triển khai thực hiện tốt đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế trình Bộ Nội vụ thẩm định 442 trường hợp.

*2.5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCV*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng thực hiện bám sát vào kế hoạch đề ra và thực hiện theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Công tác tiếp nhận, giải quyết kinh phí đào tạo học đại học, sau đại học và kinh phí hỗ trợ thu hút nhân lực đối với những trường hợp tốt nghiệp sau đại học cơ bản dứt điểm theo đề nghị của các tổ chức trong thời gian qua.

*- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCV*

Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025, Tỉnh ban hành Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCV trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2016 - 2020, nhằm nâng cao số lượng và chất lượng của đội ngũ CBCCV của Tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các cơ quan hành chính nhà nước từ Tỉnh đến cơ sở; hàng năm các cơ quan tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành kế hoạch để cụ thể hóa việc triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.

Từ năm 2018 - 2020, Tỉnh đã phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang hàng năm đúng quy định của Trung ương và Tỉnh.

Đề công tác đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh Hậu Giang được triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ngày 17/3/2017, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 417/QĐ-UBND về ban hành Đề án Đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2016 - 2020, tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực với 04 ngành trọng điểm: Khoa học - Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng của Tỉnh đã đạt được nhiều kết quả nhất định qua thời gian thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU, từng bước chuẩn hóa các chức danh theo quy định, tổ chức được 838 lớp đào tạo và bồi dưỡng với 67.868 lượt CBCCVC theo học<sup>[5]</sup>.

Cùng với việc ban hành thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để nâng cao nguồn nhân lực cho Tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 về việc Ban hành Quy định về chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang; trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang.

#### *- Kinh phí thực hiện*

Về việc phân bổ kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng tương đối ổn định, đáp ứng theo yêu cầu đào tạo hàng năm. Tổng kinh phí phân bổ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng của Tỉnh qua 03 năm: 84 tỷ đồng (mỗi năm gần 28 tỷ đồng).

---

<sup>[5]</sup> Đào tạo về Lý luận Chính trị - Hành chính: Đào tạo Cao cấp lý luận chính trị: Đã mở được 15 lớp, với 913 học viên, trong đó, có 08 lớp chuyển tiếp với 489 học viên; 07 lớp mở mới với 424 học viên. Các lớp đào tạo đại học chính trị chuyên ngành: Đã mở được 03 lớp, với 243 học viên, trong đó 01 lớp Đại học Khoa học quản lý nhà nước, với 58 học viên, 01 lớp Cử nhân Chính trị chuyên ngành Quản lý xã hội với 105 học viên, 01 lớp Đại học Báo chí, với 80 học viên. Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính: Đã mở 43 lớp với 3.270 học viên, trong đó: 22 lớp chuyển tiếp với 1.480 học viên, 21 lớp mở mới với 1.790 học viên.

Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ: *Đào tạo về chuyên môn*: Đã cử 182 CBCCVC đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước (trong đó: có 04 trường hợp đào tạo ở nước ngoài theo các chương trình học bổng; 178 trường hợp đào tạo trong nước theo từng lĩnh vực công tác); cử 2.756 trường hợp đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. *Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ*: Từ năm 2018 - 2020, Tỉnh đã tổ chức mở 713 lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng, theo vị trí việc làm đối với 58.816 lượt cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Tỉnh tham dự. *Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3*: Đã tổ chức 09 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh dành cho đối tượng 3, đối tượng 4 tại các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố, với 710 CBCCVC tham dự. *Bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước*: Tỉnh đã tổ chức 09 lớp Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên chính, với 630 học viên; 18 lớp Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên, với 1.448 học viên tham dự; cử 26 trường hợp CCVC tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên Cao cấp do Học viện Hành chính quốc gia tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức 01 lớp Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên cao cấp với 70 lượt CBCCVC tham dự. *Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp*: Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý: đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng năng lực, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Sở với 100 CCVC tham dự; 01 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện với 50 CBCC tham dự; tổ chức 18 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng với 1.160 CCVC tham dự. Tổ chức 06 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp xã với 432 CBCC tham dự.



Từ năm 2018 - 2020, đã giải quyết kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học, kinh phí thu hút nhân lực cho 189 trường hợp (trong đó, tiến sĩ: 02 trường hợp, chuyên khoa II: 06 trường hợp, thạc sĩ: 250 trường hợp và chuyên khoa I: 125 trường hợp).

### ***3. Kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng các chỉ số***

Hàng năm, Tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng các chỉ số trong công tác cải cách hành chính: PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI, trên cơ sở đó các sở, ban ngành tỉnh, địa phương triển khai thực hiện.

Năm 2018: Chỉ số PAR INDEX đạt 76,42 điểm xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 7/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; chỉ số SIPAS đạt 86,38%, xếp thứ 18/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng vị trí thứ 5/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; chỉ số PAPI đạt tổng số 42,06/80 điểm, đứng thứ 58/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 13/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; chỉ số PCI đạt 61,87/100 điểm đứng vị trí thứ 44/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, đứng vị trí thứ 12/13 của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2019: Chỉ số PAR INDEX đạt 81,05 điểm xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 6/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; Chỉ số SIPAS đạt 87,77%, xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng vị trí thứ 3/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; chỉ số PAPI đạt tổng số 44,49/80 điểm, đứng thứ 19/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 4/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; Chỉ số PCI đạt 64,14/100 điểm đứng vị trí thứ 42/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, tăng 02 bậc so với năm 2018, đứng vị trí thứ 10/13 của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2020: Chỉ số PAR INDEX đạt 84,51 điểm xếp thứ 28/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 5/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; chỉ số SIPAS đạt 79,2%, xếp thứ 52/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và thứ 13/13 tỉnh, thành đồng bằng sông Cửu Long, giảm 42 bậc so với năm 2019; chỉ số PAPI đạt tổng số 43,07/80 điểm, đứng thứ 27/63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đứng thứ 5/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, xếp hạng vẫn nằm trong nhóm trung bình cao; chỉ số PCI đạt 63,11/100 điểm đứng vị trí thứ 39/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, tăng 03 bậc so với năm 2019, đứng vị trí thứ 7/13 của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, xếp nhóm hạng trung bình.

Tỉnh đã tổ chức bố trí thùng thư góp ý về giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, tổ chức niêm yết số điện thoại đường dây nóng. Cổng dịch vụ công của Tỉnh và các trang tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện đều có mục “góp ý” để tổ chức, cá nhân có ý kiến phản ánh, kết quả giải quyết TTHC được công bố công khai; tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp để đánh giá chất lượng, hiệu quả quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước các

cấp, làm cơ sở để đánh giá năng lực, tinh thần trách nhiệm, hiệu quả công tác của CBCCVV trong thực thi công vụ.

Đánh giá, động viên, khen thưởng kịp thời tổ chức, cá nhân làm tốt công tác CCHC hàng năm; chấn chỉnh, làm rõ những hạn chế cần khắc phục, nhằm nâng cao chất lượng các chỉ số của Tỉnh.

#### ***4. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại cơ quan, đơn vị***

Hàng năm, Tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện và triển khai sâu rộng đến tất cả đảng viên về các nội dung thực hiện Quy chế dân chủ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Triển khai và thực hiện tốt các văn bản hướng dẫn và quy định của cấp trên. Những nội dung CBCCVV và người lao động được biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát nêu trong Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ được các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đảm bảo. Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch công tác hằng năm, kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; ban hành, sửa đổi, bổ sung nhiều quy chế, quy định, tăng cường giáo dục đạo đức, trách nhiệm công vụ của CBCCVV và người lao động<sup>[6]</sup>.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 24/8/2018 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định và các Tiêu chí đánh giá công tác dân vận đối với cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp (nay là Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 30/3/2021), trong đó có tiêu chí yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp xây dựng mô hình trong thực hiện công tác CCHC, cụ thể là mô hình Chính quyền thân thiện với phương châm “04 xin, 04 luôn”.

Đặc biệt, từ năm 2019 đến nay, Tỉnh đã ban hành kế hoạch và quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra chung trong công tác CCHC, công vụ; dân vận chính quyền và quy chế dân chủ ở cơ sở, giúp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiết kiệm thời gian, kinh phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra.

#### ***5. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội***

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ của CBCCVV, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường, phân công rõ trách nhiệm cho CBCCVV trong giải quyết công việc<sup>[7]</sup>. Từ đó, chất lượng công việc ngày càng được

<sup>[6]</sup> Quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, quy chế xét thi đua, khen thưởng, quy chế phối hợp công tác giữa cấp ủy, chính quyền với công đoàn, quy chế tiếp công dân, các đơn vị tổ chức Hội nghị công chức, viên chức, người lao động đảm bảo theo quy định của pháp luật.

<sup>[7]</sup> Năm 2018, Tỉnh ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 28/3/2018 về kiểm tra công tác CCHC và công vụ năm 2018; Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC và công

nâng lên. Bên cạnh việc kiểm tra CCHC theo kế hoạch, các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn Tỉnh đều thành lập tổ thanh tra công vụ nhằm thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chế độ công vụ của đội ngũ CBCCVC đối với việc chấp hành giờ giấc làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Tỉnh. Qua việc thực hiện tốt dân chủ trong hoạt động cơ quan đã tạo được không khí dân chủ, tăng cường đoàn kết nội bộ và nâng cao vai trò làm chủ, phát huy tinh thần sáng tạo, trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC; góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch vững mạnh. Tăng cường gắn bó với nhân dân góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị.

Ngoài ra, lãnh đạo Tỉnh thường xuyên tổ chức tiếp dân theo quy định, duy trì gặp và đối thoại để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác tiếp xúc cử tri; đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với người dân.

## **6. Kết quả đánh giá CBCCVC**

### **6.1. Kết quả, đánh giá xếp loại CBCCVC**

Thực hiện quy định Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại CBCCVC và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP; Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang đã ban

---

vụ năm 2018. Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện công tác CCHC và công vụ tại 47 đơn vị (09/19 đơn vị cấp tỉnh, 08/08 đơn vị cấp huyện, 30/76 đơn vị cấp xã), vượt so với kế hoạch đề ra.

**Năm 2019**, Tỉnh ban hành Kế hoạch số 670/KH-UBND ngày 28/3/2019 về kiểm tra công tác CCHC và công vụ năm 2019, Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác CCHC và công vụ; dân vận chính quyền và quy chế dân chủ cơ sở năm 2019 (đây là điểm mới của Tỉnh về công tác kiểm tra, đó là sự phối hợp của Ban Dân vận Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong lồng ghép kiểm tra công tác CCHC và công vụ; dân vận chính quyền và quy chế dân chủ cơ sở). Đoàn kiểm tra cũng đã thành lập Tổ kiểm tra đột xuất (chịu trách nhiệm kiểm tra thường xuyên, đột xuất trong năm) và 02 Tổ khảo sát để rà soát việc thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền trong năm. Kết quả trong năm 2019, Tổ kiểm tra đột xuất đã tiến hành kiểm tra, khảo sát tại 13 đơn vị cấp tỉnh, 32 lượt đơn vị cấp huyện (08/08 đơn vị cấp huyện) và 82 lượt đơn vị cấp xã (54/76 đơn vị cấp xã); Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại 12 đơn vị cấp Tỉnh, 08/08 đơn vị cấp huyện. Qua kiểm tra các năm 2018 và 2019, Đoàn kiểm tra và Tổ Kiểm tra đột xuất kịp thời phát hiện những hạn chế và đề nghị các đơn vị có biện pháp khắc phục. Đồng thời, tăng cường công tác tự kiểm tra và tiếp tục chỉ đạo thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu theo kế hoạch CCHC đề ra.

**Năm 2020**, công tác kiểm tra CCHC tiếp tục được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, nhất là trong dịp lễ, Tết. Tổ kiểm tra đột xuất tiến hành kiểm tra đột xuất sau tết Nguyên Đán tại một số sở, ban ngành, huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn trong Tỉnh. Qua kiểm tra, nhìn chung, công tác CCHC tại các đơn vị được thực hiện nghiêm túc, các đơn vị đều chấp hành nghiêm các quy định. Đặc biệt, Bộ phận một cửa hoạt động bình thường sau kỳ nghỉ Tết, tất cả các hồ sơ đều được giải quyết đúng hẹn; chưa có phản ánh, kiến nghị nào của người dân về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các đơn vị. Trong năm Đoàn kiểm tra và Tổ kiểm tra đột xuất đã kiểm tra gần 100 lượt ở cấp xã (75/75 xã, phường, thị trấn), hơn 16 lượt cấp huyện (8/8 đơn vị cấp huyện), 14 sở ngành. Bên cạnh đó, HĐND các cấp cũng đã thực hiện các cuộc giám sát về thực hiện TTHC, chất vấn lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương về nhiệm vụ công tác CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**Năm 2021**, Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh về kiểm tra công tác CCHC và công vụ năm 2021; Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn Kiểm tra và Tổ kiểm tra đột xuất công tác CCHC và công vụ; dân vận chính quyền và quy chế dân chủ cơ sở năm 2021.

hành Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 15/12/2020 của về việc chỉ đạo đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

Tỉnh ủy giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đánh giá xếp loại chất lượng tập thể; cá nhân CBCCVC theo đúng quy định và tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng thời đánh giá xếp loại chất lượng giám đốc sở và tương đương; thủ trưởng, phó thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh; chủ tịch UBND cấp huyện bằng những chỉ tiêu định lượng cụ thể như: Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công; chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị; xếp loại tổ chức cơ sở đảng; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh,... từ đó, đánh giá xếp loại chất lượng tập thể; cá nhân cán bộ, công chức cũng trở thành một động lực quan trọng, nâng cao tinh thần, trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC trong thực thi nhiệm vụ (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

### 6.2. Kết quả thực hiện biên chế và tinh giản biên chế

Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Đảng, Chính phủ<sup>181</sup>. Tỉnh đã triển khai thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo quy định, trong đó thực hiện nghiêm việc giao biên chế, quy định số lượng người làm việc và thực hiện tinh giản biên chế, giảm biên chế theo lộ trình được Bộ Nội vụ thẩm định, phê duyệt hàng năm. Tính đến năm 2021 tỉnh Hậu Giang đã giảm 155 biên chế công chức (tương đương 10%) và giảm 1.564 biên chế viên chức (tương đương 10%) (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

### 6.3. Kết quả chuyển đổi vị trí công tác

Tổng số CBCCVC đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác trong 03 năm là 251 người, trong đó cấp tỉnh là 143 người, cấp huyện là 108 người (cụ thể: Năm 2018 có 62 người, năm 2019 có 96 người, năm 2020 có 93 người).

## 7. Hoạt động HĐND về CCHC

Trước mỗi kỳ họp HĐND, Thường trực UBND tỉnh đều cùng Thường trực HĐND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và một số đơn vị hữu quan đều họp thống nhất các nội dung, chương trình kỳ họp, phân công nhiệm

---

<sup>181</sup> Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế.

vụ cho các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung. Từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2021, HĐND tỉnh đã tổ chức 11 kỳ họp (gồm 06 kỳ họp thường lệ, 05 kỳ họp chuyên đề). Đã ban hành 143 nghị quyết về công tác tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội<sup>91</sup>.

### *7.1. Công tác tuyên truyền các nghị quyết của HĐND*

Tại các kỳ họp, phiên họp, chất vấn đều được truyền hình trực tiếp trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang. Việc tuyên truyền, triển khai các nghị quyết của HĐND được thực hiện đa dạng với nhiều hình thức khác nhau như: Thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri, thông qua các kênh truyền hình, phát thanh, báo chí; đăng tải trên Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh, giúp truyền tải đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của HĐND, các văn bản chỉ đạo của địa phương đến cử tri. Đồng thời, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến cơ quan thẩm quyền và phản hồi của cơ quan thẩm quyền về những vấn đề của cử tri đặt ra được nhanh chóng, kịp thời. Từ đó, nhận được nhiều phản hồi tích cực và sự đồng thuận cao của cử tri, góp phần đưa nghị quyết HĐND đi vào cuộc sống.

Ngoài ra, Văn phòng HĐND tỉnh đã nâng cấp trang thông tin điện tử HĐND tỉnh với nhiều thư mục đa dạng cung cấp các thông tin về hoạt động HĐND đến các đối tượng tiếp cận, xây dựng mục “Hỏi - Đáp” nhằm tạo sự tương tác hai chiều giữa cơ quan dân cử với cử tri trong Tỉnh.

### *7.2. Công tác giám sát*

Trong những năm qua, hoạt động giám sát của HĐND các cấp luôn được quan tâm đổi mới về hình thức lẫn nội dung giám sát. Hàng năm, tại các kỳ họp giữa năm của năm trước, HĐND ban hành nghị quyết về chương trình giám sát cho năm tiếp theo với những nội dung sát hợp tình hình thực tế của địa phương, những vấn đề bức xúc, tồn tại được cử tri phản ánh, dư luận xã hội quan tâm. Trên cơ sở nghị quyết giám sát này, Tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện và có bước chuẩn bị báo cáo phục vụ cho cuộc giám sát.

Từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2021, HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh đã thực hiện 11 nội dung giám sát, khảo sát. Trong đó, có nhiều nội dung giám sát về việc triển khai thực hiện các chính sách được HĐND thông qua Nghị quyết như: Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014 - 2016; việc sử dụng nguồn vốn đầu tư trong xây dựng nông thôn mới; cơ sở vật chất trường học và chất lượng giảng dạy; việc thực hiện chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh; công tác quy hoạch đô thị, phát triển nhà ở; việc triển khai thực hiện, quản lý, khai thác và hiệu quả sử dụng các trạm bơm điện trên địa bàn Tỉnh,...

### *7.3. Công tác chất vấn*

---

<sup>91</sup> Có 88 nghị quyết cá biệt và 55 nghị quyết quy phạm pháp luật.

Từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh và các lãnh đạo sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã trả lời 07 cuộc chất vấn. Nội dung chất vấn xoay quanh các vấn đề thời hạn đầu tư các dự án, công trình, công tác CCHC và sự hài lòng của người dân; tình hình tiêu thụ nông sản; bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe,...<sup>[10]</sup>

#### *7.4. Công tác tiếp xúc cử tri*

Từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2021, UBND tỉnh cùng các ngành, địa phương đã tham gia Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hậu Giang tổ chức tiếp xúc cử tri, đã tiếp nhận 914 lượt ý kiến, kiến nghị, phản ánh gửi về các cấp, các ngành chức năng và đã được các ngành chức năng trả lời và gửi văn bản trả lời đến cử tri theo quy định.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Ưu điểm**

Công tác CCHC luôn được Tỉnh ủy xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá của Tỉnh; các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và đã đạt được những kết quả tích cực. TTHC được rút gọn, đơn giản; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, giải quyết các TTHC được quan tâm; tinh thần, trách nhiệm CBCCCVC được nâng lên, kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường,... làm cho nền hành chính trở nên dân chủ, minh bạch, có tính chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ tốt hơn nhu cầu của tổ chức và người dân,... góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy sản xuất phát triển, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Công tác chỉ đạo điều hành về CCHC được thực hiện thống nhất và đồng bộ; công tác tuyên truyền ngày càng có chiều sâu và thiết thực; công tác kiểm tra CCHC được thực hiện khá tốt.

---

<sup>[10]</sup> Kết quả tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân cụ thể của từng hợp phần theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh; thực hiện cô phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh; thu hút đầu tư, phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp; việc thực hiện 02 dự án: 06 trục đường nội ô thành phố và đường Lê Quý Đôn nối dài; giải pháp hiệu quả trong phong trào khởi nghiệp tại Hậu Giang; kết quả triển khai thực hiện đề án 1000, đề án phát triển trạm bơm điện tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020; công tác CCHC và sự hài lòng của người dân trong giải quyết TTHC; việc sáp nhập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; tình trạng thiếu giáo viên, nhất là giáo viên Mầm non; việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút nguồn nhân lực Tỉnh trong thời gian qua; tình hình tiêu thụ, giá mía; kết quả đầu tư các công trình nước sạch nông thôn; số lượng, chất lượng và việc ứng dụng các đề tài khoa học công nghệ vào trong công tác, sản xuất; tình trạng bỏ việc, nghỉ việc của ngành y tế hiện nay, ý đức của đội ngũ y bác sỹ trong chăm sóc, chữa trị, phục vụ thân nhân và người bệnh; công tác thanh toán chi phí bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh, giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế trong thời gian tới.

Công tác tổ chức bộ máy được thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Đã triển khai thực hiện nghiêm các quy định về tổ chức bộ máy; đồng thời, tiến hành rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước theo hướng tinh gọn, tăng cường quản lý nhà nước theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, giảm đầu mối; kịp thời ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn tỉnh, cấp huyện.

Công tác đào tạo bồi dưỡng mang lại nhiều hiệu quả tích cực, từng bước chuẩn hóa đội ngũ CBCCVC theo quy định và nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua công tác đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực.

Cải cách TTHC, ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO ngày càng hiệu quả. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã hoạt động hiệu quả góp phần quan trọng vào việc giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân,...

Nhờ đó kết quả thực hiện các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI từng bước được nâng lên, chất lượng, có tiến bộ qua từng năm, đặc biệt là chỉ số PAR INDEX tăng 03 bậc so năm 2019, xếp thứ 28/63 cả nước, thứ 5 so với các tỉnh, thành phố của đồng bằng sông Cửu Long (năm 2019 xếp thứ 6/13).

## **2. Hạn chế**

### **2.1. Hạn chế chung**

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC có lúc chưa thường xuyên; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông chưa đồng bộ và toàn diện; chưa phát huy tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc.

Một số lĩnh vực có số lượng TTHC phát sinh nhiều như đất đai, tư pháp, cấp căn cước công dân nên giải quyết có trễ hẹn.

Hạ tầng và ứng dụng CNTT của Tỉnh những năm gần đây có bước phát triển khá nhưng so với mặt bằng chung của cả nước còn thấp, việc khai thác sử dụng hệ thống thông tin, triển khai các phần mềm dùng chung và các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Nguồn ngân sách của Tỉnh còn hạn chế, chưa đầu tư nhiều cho CCHC như: Xây dựng nơi làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, kinh phí tuyên truyền.

### **2.2. Hạn chế cụ thể trong các chỉ số**

#### **2.2.1. Chỉ số PAR INDEX**

Tuy đây là chỉ số có sự tiến bộ qua các năm nhưng vẫn còn một số hạn chế liên quan đến thực hiện chỉ số này như:

+ Nhóm ứng dụng CNTT (hiện đại hoá nền hành chính): Hạ tầng công nghệ thông tin, các phần mềm dùng chung của Tỉnh; việc thực hiện dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4; số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến; việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

+ Nhóm tiêu chí về tổ chức bộ máy và tài chính công: Tỷ lệ cơ cấu công chức lãnh đạo quản lý so với công chức không giữ chức danh lãnh đạo; tỷ lệ giảm chi cho đơn vị sự nghiệp; việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm toán lĩnh vực tài chính.

+ Nhóm tiêu chí liên quan đến giải quyết TTHC: Kết quả giải quyết TTHC (đặc biệt là lĩnh vực đất đai); việc tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến giải quyết TTHC còn rất hạn chế; mức độ hài lòng của người dân.

### 2.2.2. Chỉ số SIPAS

Đây là chỉ số được kỳ vọng nhưng mang lại kết quả thấp nhất trong năm 2020, chỉ xếp hạng 52/63 tỉnh, thành<sup>[11]</sup>. Đạt 7,92/10 điểm, xếp 52/63 tỉnh, thành phố và xếp thứ 13/13 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Cửu Long, giảm 42 bậc so với năm 2019, 2/5 nội dung giảm điểm.

Hai nội dung bị giảm điểm là tiếp cận dịch vụ và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC. Trách nhiệm trước tiên thuộc về cơ quan công khai thông tin liên quan đến TTHC và cơ quan phụ trách việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến TTHC<sup>[12]</sup>.

### 2.2.3. Chỉ số PAPI

Tuy hiện tại PAPI đang được xếp trong nhóm trung bình cao<sup>[13]</sup>, nhưng đây là chỉ số có tính ổn định thấp nhất. Đặc biệt, chỉ số này chỉ khảo sát tại 06 khu vực gần như cố định của 03 đơn vị cấp huyện nhưng kết quả chưa được khởi sắc nhiều.

Đạt tổng số 43,77/80 điểm, giảm cơ học so với năm 2019 là 1.413 điểm, xếp 27/63 tỉnh thành (năm 2019 là 19/63 giảm 08 bậc), 4/8 nội dung giảm điểm. Tỉnh có rất nhiều tiêu chí đạt dưới 05 điểm như:

+ Tham gia của người dân ở cấp cơ sở: đạt 4,472/10 điểm giảm 0,948 điểm, so với năm 2019 (5,23 điểm).

+ Trách nhiệm giải trình với người dân: đạt 4,889 điểm, tăng 0,149 điểm so với năm 2019 (4,74 điểm).

<sup>[11]</sup> Năm 2018 là năm đầu tiên đánh giá chỉ số này và Hậu Giang đạt loại tốt và xếp 18/63 tỉnh, thành; năm 2019 tiếp tục đạt loại tốt và xếp 10/63 tỉnh, thành.

<sup>[12]</sup> Hiện nay, có nhiều TTHC được công bố thực hiện mức 3, mức độ 4 nhưng trên thực tế chỉ công bố nhưng không thể thực hiện được như: Kết hôn, khai sinh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... Hơn 69% người dân được hỏi, không hài lòng về việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC.

<sup>[13]</sup> Theo cách xếp loại của PAPI, các tỉnh được chia làm 04 nhóm: Nhóm cao nhất có 16 tỉnh/thành; nhóm trung bình cao có 16 tỉnh/thành; nhóm trung bình thấp có 15 tỉnh/thành; nhóm thấp nhất có 16 tỉnh thành.



+ Quản trị môi trường: đạt 4,409 điểm, tăng 0,619 điểm so với năm 2019 (3,79 điểm).

+ Quản trị điện tử: đạt 2,613 điểm, giảm 0,057 điểm so với năm 2019 (2,67 điểm).

#### 2.2.4. Chỉ số PCI

Qua hơn 15 năm tổ chức đánh giá nhưng kết quả của Tỉnh còn khá khiêm tốn. Năm 2020 đứng vị trí thứ 39/63 tỉnh, thành phố trên cả nước tuy có tăng 03 bậc so với năm 2019 nhưng giảm hơn 01 điểm so với năm 2019, chỉ xếp loại trung bình và đứng ở nửa dưới của bảng xếp hạng khu vực (đứng vị trí thứ 7/13 của khu vực đồng bằng sông Cửu Long), có 4/10 nội dung giảm điểm.

Các hạn chế liên quan đến tiếp cận đất đai, chất lượng nguồn lao động, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp,... qua nhiều năm chưa được cải thiện.

Kết quả đánh giá cho thấy đây là chỉ số có kết quả khiêm tốn nhất trong 04 chỉ số cạnh tranh. Trách nhiệm này trước tiên thuộc về cơ quan được phân công trực tiếp phụ trách các tiêu chí, tiêu chí thành phần nhưng để giảm điểm trong năm 2020<sup>[14]</sup>.

### 3. Nguyên nhân hạn chế

Công tác CCHC luôn được quan tâm, chỉ đạo nhưng các giải pháp thực hiện chưa được toàn diện nên hiệu quả chưa cao.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa có trọng tâm. Đội ngũ CBCCVC còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, nhất là triển khai áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

Công tác tuyên truyền đã được triển khai với nhiều giải pháp nhưng chưa có giải pháp hiệu quả cao; người dân vẫn còn tâm lý e ngại và chưa tin tưởng về xử lý hồ sơ qua các dịch vụ công, bưu chính công ích.

### 4. Bài học kinh nghiệm

*Thứ nhất*, thực hiện tốt công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện giữa các cơ quan Nhà nước, người dân; là nền tảng của công tác phối hợp thực hiện giữa các ngành, các địa phương và đội ngũ CBCCVC.

*Thứ hai*, sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên và kịp thời của cấp ủy các cấp, lãnh đạo các sở ngành và địa phương; sự chủ động, tích cực, tinh thần sáng tạo trong công tác CCHC.

---

<sup>[14]</sup> Gia nhập thị trường đạt 7,12/10 điểm, giảm 0,62 điểm so với năm 2019 (năm 2019 đạt 7,74 điểm); tính minh bạch đạt 5,31/10 điểm, giảm 0,25 điểm so với năm 2019 (năm 2019 đạt 5,56 điểm); dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đạt 5,23/10 điểm, giảm 0,46 so với năm 2019 (năm 2019 đạt 5,69 điểm); đào tạo lao động đạt 5,78/10 điểm, giảm 0,04 điểm so với năm 2019 (năm 2019 đạt 5,82 điểm).

*Thứ ba*, tận dụng hiệu quả các nguồn lực, tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các bộ ngành, thường xuyên giữ mối liên hệ với các cơ quan Trung ương là nền tảng để Hậu Giang phát triển bền vững. Thông qua các mối quan hệ chúng ta sẽ nhận định rõ những hạn chế, tìm giải pháp khắc phục, từ đó tận dụng hiệu quả các khoản đầu tư để nâng cao chất lượng công tác CCHC nói chung và nâng cao chất lượng các chỉ số nói riêng.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG**

Sự tiến bộ trong công tác CCHC nói chung và các chỉ số của tỉnh nói riêng có được sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, là kết quả của quá trình chỉ đạo lâu dài, căn cơ và hiệu quả. Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững của những kết quả đã đạt được, chúng ta cần tập trung vào các công việc mang tính trọng tâm, các nhiệm vụ mang tính đột phá cùng các giải pháp phù hợp như:

##### ***1. Mục tiêu trong thời gian tới***

Tiếp tục quán triệt và triển khai, thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TU và các văn bản chỉ đạo trong công tác CCHC của Tỉnh<sup>[15]</sup>. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác CCHC, trong đó đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng đơn giản, dễ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân, các tổ chức và đơn vị liên quan đến làm việc, đảm bảo công khai, minh bạch, góp phần tích cực chống quan liêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tiếp tục thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó, tăng cường hơn nữa việc trao đổi các văn bản, tài liệu chính thức giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng dữ liệu điện tử. Nâng cao mức độ hài lòng của cơ quan, đơn vị đến liên hệ công tác.

Nâng cao chỉ số PAR INDEX, chỉ số PAPI, chỉ số PCI, chỉ số SIPAS, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân và doanh nghiệp. Điểm số 04 chỉ số CCHC năm sau cao hơn năm trước. Cụ thể:

- Chỉ số PAR INDEX: Năm 2020 đứng thứ 28/63 tỉnh, thành cả nước. Phân đấu đến cuối nhiệm kỳ tăng 05 bậc, đứng thứ 23/63.

- Chỉ số SIPAS: Năm 2020 đứng thứ 52/63 tỉnh, thành cả nước. Phân đấu đến cuối nhiệm kỳ tăng 22 bậc, đứng thứ 30/63.

---

<sup>[15]</sup> Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XIV về CCHC nhà nước tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình số 50-CTr/TU ngày 09/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Chỉ số PAPI: Năm 2020 đứng thứ 27/63 tỉnh, thành cả nước. Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ tăng 05 bậc, đứng thứ 22/63.

- Chỉ số PCI: Năm 2020 đứng thứ 39/63 tỉnh, thành cả nước. Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ tăng 09 bậc, đứng thứ 30/63.

## ***2. Một số nhiệm vụ, giải pháp***

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TU; ban hành Kế hoạch khắc phục các hạn chế trong thực hiện các chỉ số năm 2020.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành nói chung và trong công tác CCHC nói riêng, thông qua những giải pháp cụ thể như: Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm; tăng cường công tác tuyên truyền cả chiều rộng và chiều sâu.

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan nhà nước: Khai thác có hiệu quả công dịch vụ công trực tuyến; triển khai hợp không giấy; tăng cường ký số để tiến đến số hóa các hồ sơ hành chính.

Cải tiến lề lối làm việc, góp phần đẩy mạnh việc minh bạch, công khai TTHC, tiến tới thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa điện tử và một cửa hiện đại; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của CBCCVC, người dân và doanh nghiệp.

Thường xuyên rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC; tăng cường công tác kiểm soát TTHC; cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về TTHC.

Triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC: Nâng cao chất lượng thi tuyển và thi nâng ngạch công chức; đổi mới công tác đánh giá CBCCVC; thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng cho CBCCVC; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Đề cao trách nhiệm trong hoạt động thực thi công vụ của CBCCVC và gắn trách nhiệm cùng kết quả thực thi công vụ với các chế độ về khen thưởng, kỷ luật, thăng tiến, đãi ngộ. Đặc biệt là đề cao trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công trên cơ sở kế hoạch thí điểm chuyên giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

### ***2.1. Nhiệm vụ công tác CCHC***

#### ***2.1.1. Cải cách thể chế***

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Chú trọng điều hành một số thể chế về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, trọng tâm là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lắng ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và về quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

### *2.1.2. Cải cách TTHC*

Nâng cao chất lượng TTHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là TTHC liên quan tới người dân, tổ chức.

Cải cách TTHC giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, các cấp và trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước của Tỉnh.

Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC theo quy định của pháp luật.

Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, chế độ thông tin công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính, chủ trương, chính sách của nhà nước bằng các hình thức; thực hiện thống nhất việc thu, chi các phí, lệ phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết TTHC tại cơ quan hành chính nhà nước, duy trì và cập nhật các loại về TTHC.

Cung cấp cho CBCCVC đầy đủ thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng, giải quyết công việc theo chức trách và thẩm quyền, giảm mạnh các TTHC hiện hành, công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân giám sát việc thực hiện.

Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước của Tỉnh.

### *2.1.3. Cải cách tổ chức bộ máy*

Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước của Tỉnh, thực hiện thống nhất và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Tiếp tục thực hiện cơ chế phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất quy hoạch và có định hướng phát triển, tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; phân cấp và giao quyền trên một số lĩnh vực được Chính phủ và các cơ quan Trung ương cho phép nhằm tăng cường sự chủ động cho chính quyền cấp huyện, cấp xã.

Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh tổ chức thi tuyển các chức danh lãnh đạo cấp trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc sở, ban, ngành cấp Tỉnh; trưởng phòng, phó trưởng phòng chuyên môn cấp huyện trên địa bàn Tỉnh.

#### *2.1.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC*

Tiến hành điều tra, đánh giá đội ngũ CBCCVC, quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ CBCCVC. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu CBCCVC để từng bước chuyển sang quản lý CBCCVC bằng hệ thống tin học ở các cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện chế độ về tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực của CBCCVC trúng tuyển, cơ chế thi tuyển phải bảo đảm tính dân chủ, công khai, chọn đúng người đủ tiêu chuẩn vào bộ máy nhà nước.

#### *2.1.5. Cải cách tài chính công*

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

#### *2.1.6. Hiện đại hóa nền hành chính*

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động của cơ quan đến năm 2025: 95% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; CBCCVC sử dụng hệ thống thư điện tử trong trao đổi, phối hợp công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan.

Tăng cường áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015 vào quy trình xử lý văn bản trong cơ quan nhà nước của Tỉnh, để tạo tiền đề cho ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả.

#### *2.1.7. Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*

Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với công tác CCHC trong hệ thống chính trị; phát huy vai trò giám sát, phản biện, góp ý của HĐND, đại biểu HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội về thực hiện công tác CCHC.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Quán triệt sâu sắc trong nhận thức và ý thức phục vụ dân, gần dân, giúp dân, học dân. Khắc phục tình trạng thiếu trách nhiệm, đùn đẩy khó khăn cho người dân và tổ chức.

Tập trung cải cách theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai về TTHC.

Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân trong quá trình quản lý hành chính; hạn chế tối đa các oan sai và xâm phạm quyền lợi, lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình công chức nhà nước thi hành công vụ.

Tăng cường các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của nhà nước ngày càng thực chất và có hiệu quả; đảm bảo cho người dân, tổ chức là đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật được tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật.

Xây dựng các quy định về chế độ công khai như: Quy tắc ứng xử của CBCCVC, quy chế làm việc của đơn vị; các quy định, quy trình giải quyết công việc; công khai ngân sách, tài chính; thông báo kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra; bản kê khai tài sản của CBCCVC và thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch CBCCVC,...

## *2.2. Nhiệm vụ công tác phòng, chống tham nhũng*

### *2.2.1. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật*

Hoàn thiện cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật.

### *2.2.2. Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức thực hiện nghiêm cơ chế, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao chất lượng thực thi công vụ*

Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo trong hoạt động quản lý. Quy định chức trách của từng vị trí công tác, nhất là nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và căn cứ vào kết quả thực hiện chức trách đó để đánh giá CBCCVC trong việc đề xảy ra tham nhũng ở cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Thực hiện nghiêm các quy định về đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ, nhất là trong các khâu tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cán bộ; thực hiện tuyển dụng thông qua thi tuyển, kiên quyết loại bỏ tình trạng tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ không đúng chuyên môn, ngành nghề,... tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cơ chế thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý; có quy định cụ thể để điều chuyển, thay thế và xử lý những cán bộ lãnh đạo, quản lý đề xảy ra tham nhũng, uy tín giám sát, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, công chức, nhất là việc thực hiện quy tắc ứng xử, những việc CBCCVC không được làm, trách nhiệm giải trình, minh bạch tài sản, thu nhập, việc thực thi

công vụ ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử của CBCCVC nhất là trong việc cưới, việc tang, mừng nhà mới, nhận chức vụ, tổ chức sinh nhật, việc nhận bằng cấp, học hàm, học vị, danh hiệu thi đua, khen thưởng,...

Hoàn thiện việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tăng cường giáo dục liêm chính, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng.

### *2.2.3. Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của toàn xã hội*

Đề cao và phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng đặc biệt là vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, của nhân dân trong việc phát hiện, đấu tranh với những hiện tượng tham nhũng, lãng phí; tạo các hộp thư góp ý về phòng, chống tham nhũng để nhân dân góp ý, tố giác.

Xây dựng và thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, đảng viên, người dân tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng và những tập thể, cá nhân có thành tích đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Đẩy mạnh, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong nhân dân về biểu hiện, tác hại của tham nhũng và trách nhiệm của xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng; có cơ chế để nhân dân tích cực, chủ động tham gia vào công tác phòng, chống tham nhũng; kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong phòng, chống tham nhũng, tích cực bảo vệ người tố cáo tham nhũng.

### *2.2.4. Về tiết kiệm, chống lãng phí*

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, tiết kiệm chi tiêu công để góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh - xã hội nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống nhân dân, ổn định an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Triển khai các giải pháp, nhiệm vụ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; trong thực hiện, bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

### *2.3. Nâng cao chất lượng các chỉ số cạnh tranh của Tỉnh*

Xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện và tăng cường, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC nói chung và các chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI, SIPAS nói riêng.

Tiếp tục thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó, tăng cường hơn nữa việc trao đổi các văn bản, tài liệu chính thức giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng dữ liệu điện tử. Nâng cao chỉ số hài lòng của cơ quan, đơn vị đến liên hệ công tác.

Trên đây là báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 02/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác CCHC và nâng cao chất lượng các chỉ số cạnh tranh của Tỉnh.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đ/c ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU.TÂM

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Văn Huyền**